

# SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA PHỤ NỮ NÔNG THÔN Ở TỈNH THÁI BÌNH

VŨ THỊ THANH<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Công nghệ số có tác động to lớn đến việc thúc đẩy hiệu quả các hoạt động kinh tế. Tuy nhiên, không phải nhóm xã hội nào cũng có thể tận dụng hiệu quả thành quả của sự phát triển công nghệ số vào phát triển kinh tế. Dựa trên kết quả nghiên cứu tại tỉnh Thái Bình, bài viết phản ánh việc sử dụng công nghệ số vào các hoạt động phát triển kinh tế trong lĩnh vực nông, ngư nghiệp của phụ nữ nông thôn. Kết quả khảo sát cho thấy, nhu cầu sử dụng công nghệ số vào hoạt động kinh tế cũng như hiệu quả của việc sử dụng công nghệ số đối với hoạt động này là chưa cao. Bài viết cũng phân tích vai trò của công nghệ số vào hoạt động kinh tế và đưa ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy hiệu quả sử dụng công nghệ số vào hoạt động kinh tế của phụ nữ nông thôn.

**Từ khóa:** bình đẳng giới, trao quyền kinh tế, kinh tế số, phụ nữ nông thôn.

**Abstract:** Digital technology has a significant impact on promoting the efficiency of economic activities. However, not all social groups can effectively utilize the achievements of digital technology development for economic development. Based on research results in Thai Binh province, the article reflects the use of digital technology in economic development activities in the agricultural and fishery sectors of rural women. Survey results show that the demand for using digital technology in economic activities as well as the effectiveness of using digital technology for this activity is not limited. The article also analyzes the role of digital technology in economic activities of the rural women and suggest some solutions to promote the effective use of digital technology in their economic activities.

**Keywords:** gender equality, economic empowerment, digital economy, rural women.

*Ngày nhận bài: 31/12/2024; Ngày gửi phản biện: 16/1/2025; Ngày duyệt đăng bài: 20/02/2025.*

## 1. Đặt vấn đề

Công nghệ số có vai trò quan trọng đối với việc phát triển kinh tế ở nông thôn, trong đó có các hoạt động kinh tế nông nghiệp. Deichmann và các cộng sự (2016) đã chỉ ra sự ảnh hưởng của công nghệ số tới việc chuyển đổi nông nghiệp ở các nước đang phát triển. Theo đó, công nghệ số góp phần giải quyết vấn đề về rào cản thông tin trong việc tiếp cận thị trường đối với nhiều hộ nông dân sản xuất quy mô nhỏ, nâng cao kiến thức mới thông qua những cách thức cung cấp dịch vụ khuyến nông và cải thiện quản lý chuỗi cung ứng nông nghiệp. Điện thoại di động và internet có thể góp phần cải thiện năng suất ở khu vực nông thôn cho người nông dân. Chúng giúp khắc phục các vấn đề về thông tin, đặc biệt là thông tin về thị trường. Có thể thấy, nhu cầu về thông tin kịp thời và chính xác để sử dụng như dữ liệu đầu vào ngày càng tăng. Thông tin tốt được cung cấp thông qua các dịch vụ khuyến nông (ví dụ như thông tin về thực hành nông nghiệp, công cụ mới hoặc hạt giống mới) giúp tăng khả năng tiếp cận các công nghệ phù hợp, tạo ra nhiều hình thức vốn sản xuất, từ đó giúp sản xuất hiệu quả hơn (Deichmann và các cộng sự, 2016). Bên cạnh đó, trong nền kinh tế số, hòa nhập tài chính và tăng trưởng bao trùm giúp tăng thu nhập của hộ gia đình, đặc biệt là ở các hộ gia đình nông thôn thông qua việc thúc đẩy họ tiếp cận với các cơ hội kinh doanh (Xun và các cộng sự, 2020).

<sup>(\*)</sup> Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Việt Nam đang hướng tới mục tiêu trở thành nền kinh tế số hàng đầu trong khu vực ASEAN vào năm 2030. Chính phủ Việt Nam coi việc phát triển nền kinh tế số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm đẩy nhanh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao chất lượng tăng trưởng, đưa đất nước thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình. Cùng với chuyển đổi số quốc gia, Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng có nhiều chính sách nhằm thúc đẩy chuyển đổi số ở nông thôn. Quyết định số 924/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2022 đã phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025. Chương trình này được triển khai đến hết năm 2025 ở khu vực nông thôn của cả nước nhằm góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống người dân, thu hẹp dần khoảng cách về chất lượng dịch vụ giữa nông thôn - thành thị, từng bước hướng tới nông thôn mới thông minh (Thủ tướng Chính phủ, 2022).

Trong quá trình chuyển đổi số, phụ nữ không đơn thuần chỉ là những người thụ hưởng thành tựu của sự phát triển công nghệ số mà họ còn có thể tham gia, sáng tạo và lãnh đạo công nghệ số. Đối thoại chính sách “Bình đẳng giới trong chuyển đổi số ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức” (do Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổ chức Liên hợp quốc tại Việt Nam tổ chức) đã chỉ ra rằng phụ nữ chiếm một nửa dân số ở Việt Nam, vì thế, khi Việt Nam thực hiện chiến lược quốc gia về chuyển đổi số thì cần phải đảm bảo rằng phụ nữ được đại diện và có cơ hội bình đẳng để đạt được các kỹ năng mới, trở thành những nhà đổi mới, lãnh đạo và dẫn đầu trong lĩnh vực số hóa (United Nations, 2023). Trong Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (được ban hành theo Quyết định số 622/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (ngày 10 tháng 5 năm 2017), để đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu, Việt Nam cũng đã đề ra những mục tiêu góp phần thúc đẩy hòa nhập số. Tương ứng với mục tiêu 5.b trong Các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc, Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Việt Nam đã đề ra mục tiêu 5.8 về “Nâng cao việc sử dụng các công nghệ tạo thuận lợi, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông để thúc đẩy việc trao quyền cho phụ nữ. Tạo điều kiện cho phụ nữ được tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông”. Các mục tiêu cụ thể trong mục tiêu phát triển bền vững SDG 5.8 của Việt Nam hướng tới việc nâng cao năng lực cho phụ nữ trong tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông, trong đó đặc biệt chú trọng tới phụ nữ nông thôn, phụ nữ dân tộc thiểu số (Thủ tướng Chính phủ, 2017).

Tuy nhiên, trên thực tế, có nhiều phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nông thôn, gặp khó khăn trong việc tận dụng những thành quả phát triển của công nghệ số, nhất là ứng dụng thành quả này vào hoạt động kinh tế. Các nghiên cứu ở Việt Nam cho thấy, tỉ lệ phụ nữ sở hữu các thiết bị số như điện thoại thông minh ít hơn so với nam giới (The Asean Foundation, 2018). Tổ chức Liên minh châu Âu (EU, 2021) cho rằng, khoảng cách số có thể cản trở khả năng nam giới và phụ nữ ở Việt Nam được hưởng lợi bình đẳng các cơ hội của thời đại kỹ thuật số. Dựa trên các kết quả nghiên cứu định lượng và định tính của đề tài *Hòa nhập số trong hoạt động kinh tế của phụ nữ nông thôn (Nghiên cứu trường hợp ở Thái Bình)* của do Viện Nghiên cứu Con người là cơ quan chủ trì được thực hiện năm 2024 tại tỉnh Thái Bình, bài viết phân tích tình hình sử dụng công nghệ số trong hoạt động kinh tế của phụ nữ nông thôn. Trong bài viết này, công nghệ số chủ yếu đề cập đến các thiết bị kết nối internet để tiếp cận thông tin phục vụ hoạt động kinh tế. Các hoạt động kinh tế ở đây giới hạn ở hoạt động canh tác, sản xuất hoặc kinh doanh các sản phẩm nông, ngư nghiệp. Đây là hai lĩnh vực hoạt động kinh tế chính của phụ nữ tại hai địa bàn nông thôn được khảo sát là xã Thụy Hải và xã Thụy Trường thuộc huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Trong đó, xã Thụy Hải là một xã ngư nghiệp; xã Thụy Trường bên cạnh việc nuôi trồng, khai thác thủy sản còn phát triển mạnh các ngành nghề trồng trọt (lúa, hoa màu, hành, tỏi và

thuộc lão). Dữ liệu phân tích được dựa trên kết quả phỏng vấn bằng bảng hỏi với 100 phụ nữ, 9 phỏng vấn sâu (PVS) đối với phụ nữ và cán bộ địa phương, 2 thảo luận nhóm (TLN) với nam giới tại hai xã được khảo sát. Do ở địa bàn nông thôn nên phụ nữ ở đây chủ yếu làm việc trong lĩnh vực nông, ngư nghiệp, trong đó phổ biến là trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng, đánh bắt thủy sản. Về học vấn, đa số người trả lời có trình độ học vấn không cao (52% phụ nữ trong nghiên cứu này có trình độ học vấn ở mức trung học cơ sở và chỉ có 29% có trình độ trên trung học phổ thông). Phụ nữ tham gia nghiên cứu này chủ yếu là phụ nữ trung niên, với 25% là từ 40 tuổi trở xuống; 26% từ 41 - 50 tuổi và 49% là trên 50 tuổi. Nhìn chung, đại đa số phụ nữ đánh giá thu nhập của họ ở mức *Trung bình*. Có 20,6% phụ nữ có thu nhập trung bình là dưới 1 triệu đồng/tháng; 24,7% có thu nhập từ 1 - 3 triệu/tháng và 19,6% có thu nhập từ 3 - 5 triệu/tháng. Tỷ lệ phụ nữ có thu nhập trên 5 triệu/tháng chiếm 35,1%.

## 2. Thực trạng sử dụng công nghệ số trong hoạt động kinh tế của phụ nữ nông thôn tại địa bàn khảo sát

### *Sử dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất nông, ngư nghiệp*

Thái Bình là một tỉnh ven biển thuộc đồng bằng sông Hồng, có truyền thống về phát triển nông nghiệp (đặc biệt là trồng lúa và hoa màu) và nuôi trồng, khai thác thủy sản. Hoạt động kinh tế của phụ nữ nông thôn tại hai địa bàn khảo sát chủ yếu gắn với lĩnh vực nông, ngư nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc sử dụng các thiết bị kỹ thuật số vào hoạt động sản xuất nông, ngư nghiệp của phụ nữ nông thôn không nhiều. Tỷ lệ phụ nữ *thường xuyên* sử dụng các thiết bị kỹ thuật số (chủ yếu là điện thoại và tivi thông minh kết nối internet) vào các hoạt động như *tiếp cận thông tin về kỹ thuật sản xuất, chăn nuôi; thông tin về giống vật nuôi, cây trồng; thông tin về bảo quản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp/ngư nghiệp* hoặc *mua bán nguồn lực sản xuất (giống, phân bón, thức ăn chăn nuôi, v.v.)* đều không cao, chỉ dao động ở khoảng 6% - 8%. Đáng kể, có một tỷ lệ không nhỏ phụ nữ không sử dụng các thiết bị số vào hoạt động sản xuất nông, ngư nghiệp là do không có nhu cầu (khoảng từ 35% - 55%). Khảo sát thực tế cho thấy, các hoạt động sản xuất nông, ngư nghiệp của phụ nữ tại địa bàn khảo sát chủ yếu là những hoạt động lao động giản đơn với quy mô sản xuất hộ gia đình khá nhỏ lẻ. Đây có thể là những yếu tố dẫn tới nhu cầu ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất của phụ nữ ở đây không cao.

**Bảng 1: Mức độ sử dụng các thiết bị kỹ thuật số trong các hoạt động sản xuất (%)**

<i>Mục đích sử dụng</i>	<i>Không sử dụng</i>		<i>Thỉnh thoảng sử dụng</i>	<i>Thường xuyên sử dụng</i>	<i>Tổng</i>
	<i>Vì không có nhu cầu</i>	<i>Vì không biết cách sử dụng</i>			
Tiếp cận thông tin về kỹ thuật sản xuất, chăn nuôi.	41,0	13,0	40,0	6,0	100,0
Tiếp cận thông tin về giống vật nuôi, cây trồng.	36,4	14,1	41,4	8,1	100,0
Tiếp cận thông tin về bảo quản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp/ngư nghiệp.	35,0	19,0	38,0	8,0	100,0
Mua bán nguồn lực sản xuất (giống, phân bón, thức ăn chăn nuôi, v.v.) qua mạng internet.	56,0	21,0	18,0	5,0	100,0

*Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài tại Thái Bình năm 2024.*

Các kết quả nghiên cứu định tính phản ánh rõ hơn việc phụ nữ sử dụng thiết bị số cho hoạt động sản xuất nông, ngư nghiệp. Họ chủ yếu sử dụng internet (qua điện thoại hoặc tivi thông minh) để tìm hiểu về cách thức trồng trọt, chăm sóc hoa màu và nuôi trồng thủy sản, ví dụ như tìm các loại phân bón tốt hoặc kỹ thuật nuôi hoặc cách chăm sóc khi tôm, cá bị bệnh. Đặc biệt, làm nông, ngư nghiệp phải theo dõi thời tiết nên việc xem thông tin về thời tiết trên mạng internet được nhiều phụ nữ cho là hữu ích cho việc nuôi trồng thủy sản và sản xuất nông nghiệp.

*“Nhà mình trồng thuốc lào thì sử dụng mạng internet để tra thông tin thời tiết. Ví dụ, mình tra thời tiết trước một tuần chẳng hạn để có kế hoạch hái thuốc. Ngoài ra, lúc mà cây có bệnh thì mình có thể chụp hình hoặc có thể mình tìm hình ảnh trên mạng có những chỉ dẫn của thuốc để điều trị bệnh đó”* (TLN, nữ, 28 tuổi, xã Thụy Trường).

Nhìn chung, những phụ nữ từ 50 tuổi trở xuống có khả năng sử dụng các thiết bị số tốt hơn thì sử dụng các thiết bị số để tiếp cận thông tin cho hoạt động sản xuất nông nghiệp nhiều hơn so với nhóm phụ nữ trên 50 tuổi.

**Bảng 2: Tỷ lệ phụ nữ có sử dụng các thiết bị số cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp chia theo nhóm tuổi (%)**

	Từ 50 tuổi trở xuống	Trên 50 tuổi
Tiếp cận thông tin về kỹ thuật sản xuất, chăn nuôi *	53,0	38,8
Tiếp cận thông tin về giống vật nuôi, cây trồng **	54,0	44,9
Tiếp cận thông tin về bảo quản, chế biến các sản phẩm nông, ngư nghiệp **	57,8	32,7
Mua bán nguồn lực sản xuất (giống, phân bón, thức ăn chăn nuôi, v.v.)	21,6	24,5

*Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài tại Thái Bình năm 2024.*

*Ghi chú: \*P < 0,05; \*\*P < 0,01; \*\*\*P < 0,001.*

Kết quả nghiên cứu định tính cho thấy, phụ nữ sử dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất ít hơn so với nam giới do họ có ít thời gian và kỹ năng số kém hơn nam giới. Một nam giới (TLN nam giới xã Thụy Trường) cho biết, anh sử dụng thời gian vào internet gấp khoảng 4 lần vợ của mình bởi vợ không có thời gian nhiều như anh: *“Sáng ra cũng đi biển đến tầm trưa mới về, chiều lại ra ruộng một tí, tối về lại con cái ở nhà đến 8 - 9 giờ mới dọn dẹp xong”*. Theo phản ánh của cán bộ phụ nữ xã Thụy Trường, nam giới sử dụng công nghệ thông tin để tìm hiểu về cây, con giống, thuốc trừ sâu, v.v. nhiều hơn so với nữ giới bởi nam giới có thời gian sử dụng internet nhiều hơn và chịu khó mày mò trên mạng hơn nữ giới. Có hơn 1/2 số lượng phụ nữ tham gia nghiên cứu này phản ánh rằng họ thiếu thời gian để sử dụng công nghệ số cho hoạt động kinh tế (58,5%). Vai trò giới gắn phụ nữ với nhiều trách nhiệm chăm sóc gia đình làm hạn chế quỹ thời gian của họ để tận dụng công nghệ số cho hoạt động kinh tế. Cán bộ phụ nữ xã Thụy Trường cho biết: *“Nữ giới làm nông có thời gian để dùng điện thoại vào mạng rất ít. Ví dụ, bây giờ vào mùa, họ đi làm cả ngày mệt rồi, về còn cơm nước, nghỉ ngơi, không có thời gian để sử dụng điện thoại”* (PVS, cán bộ xã, xã Thụy Trường).

Thiếu sự ủng hộ của gia đình đôi khi cũng là một rào cản đối với việc sử dụng các thiết bị số vào hoạt động kinh tế của phụ nữ nông thôn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có khoảng 1/3 phụ nữ được khảo sát có gặp khó khăn này. Một trong những nguyên nhân của vấn đề này là do thành viên trong gia đình không tin tưởng vào khả năng sử dụng thiết bị số của phụ nữ nên họ lo lắng rằng vợ/mẹ của họ có thể bị lừa đảo trên mạng hoặc cho rằng những thông tin, kỹ thuật mà phụ nữ tìm kiếm/học được trên mạng là không đáng tin tưởng hoặc

không hữu ích. Sự hạn chế về vai trò chủ thể khiến phụ nữ thiếu tính tự quyết trong việc sử dụng các thiết bị số vào hoạt động kinh tế của gia đình. Một số nghiên cứu về bình đẳng giới tại Việt Nam đã cho thấy, đại đa số người Việt Nam coi nam giới là trụ cột của gia đình (Viện Nghiên cứu Phát triển xã hội, 2015) và vì thế, phụ nữ ít có tiếng nói hơn nam giới trong việc đưa ra các quyết định quan trọng, trong đó có các quyết định về kinh tế trong gia đình (Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới và các tổ chức khác, 2016). Một phụ nữ cho biết, chị rất thích làm theo các hướng dẫn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi trên mạng nhưng chồng chị không ủng hộ. Chị chia sẻ:

*“Mình bảo với chồng làm theo họ hướng dẫn trên mạng nhưng chồng không nghe, rồi nói mình xem linh tinh trên mạng thì biết cái gì. Mình xem trên mạng thì thấy họ hướng dẫn dùng thuốc gì để trồng lạc, nuôi tôm, cá, mình rất thích làm theo nhưng bảo chồng không nghe theo thì mình chịu. Chồng tự đi mua thuốc theo ý của anh ấy”* (PVS, nữ, 60 tuổi, xã Thụy Trường).

**Sử dụng công nghệ số trong hoạt động kinh doanh, buôn bán các sản phẩm nông, ngư nghiệp**

Kết quả khảo sát cho thấy, khá nhiều phụ nữ không sử dụng công nghệ số cho các hoạt động kinh doanh, buôn bán sản phẩm nông, ngư nghiệp do họ không có nhu cầu hoặc không biết cách sử dụng. Một phụ nữ bán hàng ở xã Thụy Hải chia sẻ:

*“Nói chung là làm những đồ thức ăn này, người ta đến mua trực tiếp vẫn hơn, nó thực tế hơn. Ví dụ, hàng của mình để như thế này người ta đến nhìn thấy tươi sống vẫn thích hơn. Mình bán qua điện thoại hoặc mình gửi đi thì chất lượng nó cũng không được đảm bảo bằng”* (PVS, nữ, 56 tuổi, bán hàng, xã Thụy Hải).

Số liệu trong bảng 3 cho thấy, tỉ lệ phụ nữ thường xuyên sử dụng công nghệ số cho các hoạt động kinh doanh, buôn bán sản phẩm nông/ngư nghiệp đều rất thấp (phổ biến ở mức dưới 10%). Một phụ nữ kể về việc họ sử dụng thiết bị số trong việc bán thủy sản: *“Ví dụ khách hàng cần hình ảnh hay người ta bảo mình làm cho họ 5 kg chả tôm làm như thế này, đóng gói như thế kia có được không thì mình chụp, mình chuyển zalo cho họ”* (PVS, nữ, 56 tuổi, xã Thụy Hải).

**Bảng 3: Tỉ lệ sử dụng các thiết bị số trong hoạt động kinh doanh, buôn bán (%)**

	Không sử dụng		Thỉnh thoảng sử dụng	Thường xuyên sử dụng	Tổng
	Vì không có nhu cầu	Vì không biết cách sử dụng			
Tìm kiếm, mở rộng mạng lưới khách hàng, đối tác, nhà cung cấp dịch vụ cho các hoạt động kinh tế của chi/gia đình.	55,0	16,0	25,0	4,0	100,0
Tìm kiếm thông tin về thị trường để mua bán, trao đổi các sản phẩm nông, ngư nghiệp.	41,0	13,0	39,0	7,0	100,0
Tạo các nội dung, hình ảnh để quảng bá, giới thiệu qua mạng internet về các sản phẩm, dịch vụ mà chi/gia đình làm ra (ví dụ facebook, Zalo, v.v.).	44,0	22,0	21,0	13,0	100,0
Mua bán, trao đổi các sản phẩm, dịch vụ mà chi/gia đình làm ra.	60,0	13,0	22,0	5,0	100,0

*Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài tại Thái Bình năm 2024.*

Tương tự như việc sử dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất nông, ngư nghiệp, nhóm phụ nữ từ 50 tuổi trở xuống có tần suất sử dụng các thiết bị số cho các hoạt động kinh doanh, buôn bán sản phẩm nông, ngư nghiệp cũng nhiều hơn so với nhóm phụ nữ trên 50 tuổi.

**Bảng 4: Tỷ lệ phụ nữ có thực hiện các hoạt động liên quan đến mua bán, quảng bá sản phẩm nông sản của gia đình chia theo nhóm tuổi (%)**

	Từ 50 tuổi trở xuống		Trên 50 tuổi	
	Số lượng (N=51)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (N=49)	Tỷ lệ (%)
Tìm kiếm, mở rộng mạng lưới khách hàng, đối tác, nhà cung cấp dịch vụ cho các hoạt động kinh tế của chi/gia đình**	19	37,3	20,4	10
Tìm kiếm thông tin về thị trường để mua bán, trao đổi các sản phẩm nông, ngư nghiệp*	29	56,8	34,7	17
Tạo các nội dung, hình ảnh để quảng bá, giới thiệu qua mạng internet về các sản phẩm, dịch vụ mà chi/gia đình làm ra qua (ví dụ facebook, Zalo, v.v.)	22	43,2	24,5	12
Mua bán, trao đổi các sản phẩm, dịch vụ mà chi/gia đình làm ra**	16	31,4	22,4	11

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài tại Thái Bình năm 2024.

Ghi chú: \* $P < 0,05$ ; \*\* $P < 0,01$ ; \*\*\* $P < 0,001$ .

Do hạn chế về kĩ năng số nên nhiều phụ nữ nông thôn phải dựa vào con cái để có thể bán các sản phẩm nông, ngư nghiệp do gia đình làm ra trên môi trường số.

“Nếu bán trên mạng thì cô bảo các con cô đăng bán rồi ai có nhu cầu thì họ gọi điện cho mình để đặt chứ mình cũng không có thời gian để mà mình tự livestream” (PVS, nữ, 56 tuổi, xã Thụy Hải).

“Cô có tôm, cua, cá, mực, cá khoai, cá khô, cá dọn thì cô chuyển cho con cái của cô để nó chụp ảnh rồi nó bán trên mạng” (TLN, nữ, 53 tuổi, xã Thụy Hải).

“Bố mẹ em là người trồng thuốc lá còn em giúp bố mẹ bán trên mạng. Bố mẹ ở nhà chỉ bán được cho khách quen thôi, còn muốn có thu nhập cao thì phải bán qua mạng... Hai chị em nhà em kết hợp với nhau để đăng hàng của bố mẹ lên bán qua zalo, facebook. Bán cho những nơi khác thì được giá cao hơn so với bán cho thương lái ở địa phương” (TLN, nữ, 28 tuổi, xã Thụy Trường).

Như vậy, có thể thấy việc phụ nữ sử dụng công nghệ số trong hoạt động kinh tế của phụ nữ ở hai địa bàn khảo sát vẫn còn khá hạn chế. Phụ nữ nông thôn, nhất là nhóm trên 50 tuổi, ít tận dụng các phương tiện số để tiếp cận nguồn lực, thông tin phục vụ sản xuất hoặc kinh doanh sản phẩm nông, ngư nghiệp. Bên cạnh đó, sự hạn chế về khả năng sử dụng công nghệ thông tin khiến nhiều phụ nữ có xu hướng bị phụ thuộc vào những người khác trong gia đình trong việc sử dụng công nghệ số cho các hoạt động kinh tế.

### 3. Vai trò của công nghệ số đối với hoạt động kinh tế của phụ nữ nông thôn

Bài viết này phân tích vai trò của công nghệ số đối với hoạt động kinh tế thông qua sự đánh giá của phụ nữ về tầm quan trọng, tính hữu ích và sự hài lòng của họ đối với việc sử dụng công nghệ số trong hoạt động kinh tế của mình.

Nhìn chung phụ nữ nông thôn chưa thực sự coi trọng vai trò của công nghệ số đối với hoạt động kinh tế. Sự đánh giá của phụ nữ tại địa bàn khảo sát về tầm quan trọng (theo thang đo Likert 5 điểm) của công nghệ số đối với hoạt động kinh tế là ở mức trung bình (3,41 điểm). Việc đánh giá này không có sự khác biệt giữa nhóm tuổi nhưng có sự khác biệt giữa các nhóm học vấn và nhóm thu nhập. Những nhóm phụ nữ có học vấn cao hơn và những nhóm phụ nữ có thu nhập cao hơn có điểm đánh giá tầm quan trọng của việc sử dụng thiết bị số đối với các hoạt động kinh tế cao hơn. Điều này phần nào lý giải cho việc nhóm phụ nữ dưới 50 tuổi có tỉ lệ sử dụng thiết bị số để phục vụ các hoạt động kinh tế đều cao hơn so với nhóm phụ nữ trên 50 tuổi (như đã trình bày ở phần trên).

**Bảng 5: Đánh giá tầm quan trọng của việc sử dụng thiết bị số đối với hoạt động kinh tế chia theo nhóm tuổi, học vấn và thu nhập của cá nhân (điểm trung bình)<sup>1</sup>**

		N	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Nhóm tuổi	<i>Từ 50 tuổi trở xuống</i>	50	3,58	0,78
	<i>Trên 50 tuổi</i>	48	3,23	0,97
Nhóm học vấn *	<i>Từ THCS trở xuống</i>	52	3,12	0,67
	<i>THPT</i>	18	3,61	1,14
	<i>Từ THPT trở lên</i>	28	3,82	0,90
Thu nhập của cá nhân/tháng**	<i>Dưới 1 triệu</i>	20	2,90	0,96
	<i>Từ 1 triệu đến dưới 3 triệu</i>	24	3,46	0,97
	<i>Từ 3 triệu đến dưới 5 triệu</i>	17	3,29	0,47
	<i>Từ 5 triệu trở lên</i>	34	3,76	0,85

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài tại Thái Bình năm 2024.

Ghi chú: \* $P < 0,05$ ; \*\* $P < 0,01$ .

Phần lớn phụ nữ ít sử dụng các công nghệ số hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh. Kết quả nghiên cứu định tính cho thấy, phụ nữ trên 50 tuổi có khả năng sử dụng thiết bị số kém hơn và họ cũng ít sử dụng thiết bị kết nối internet hơn. Cán bộ phụ nữ ở xã Thụy Trường cho biết:

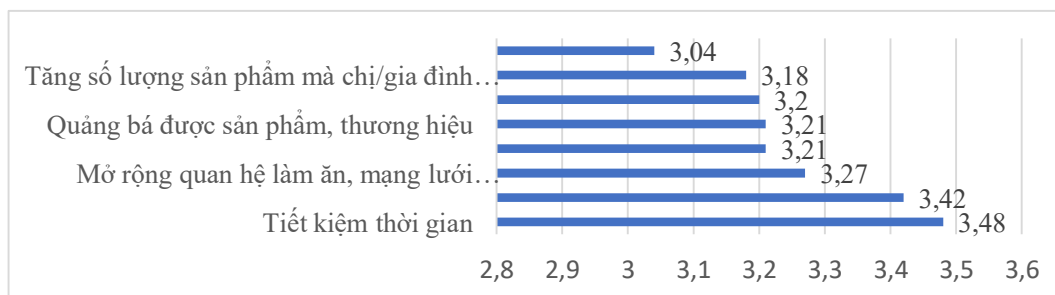
*“Những phụ nữ có điện thoại thông minh thì thuộc lứa tuổi trẻ, còn phụ nữ ngoài 50 tuổi trở lên đa số dùng điện thoại “cục gạch” bởi vì họ thường làm nông nghiệp, khi đi làm đồng cầm điện thoại “cục gạch” nhỏ đứt túi được. Điện thoại dùng làm phương tiện nghe, thông tin cho nhau thôi chứ họ không dùng điện thoại thông minh để phục vụ kinh doanh, buôn bán, sản xuất”* (PVS, cán bộ xã, xã Thụy Trường).

Kết quả nghiên cứu còn cho thấy, một trong những lí do khiến phụ nữ e ngại sử dụng các thiết bị công nghệ số vào hoạt động kinh tế là do họ e ngại bị lừa đảo trên mạng. Có tới hơn 20% phụ nữ tham gia khảo sát này cho biết họ đã từng bị lừa đảo qua mạng. Điều này cũng được phản ánh qua số liệu chung của Việt Nam, kết quả nghiên cứu cho thấy đại đa số nạn nhân bị lừa đảo trên mạng là phụ nữ (Thanh Huyền và Đình Trung, 2023). Theo phản ánh của cán bộ phụ nữ xã Thụy Hải, nhiều phụ nữ không thích sử dụng tài khoản để giao dịch qua mạng là do họ sợ bị lừa hoặc thực hiện không chính xác. Một số phụ nữ kinh doanh, buôn bán các sản phẩm nông, ngư nghiệp nhưng không dùng chuyển khoản qua mạng ngay cả khi có điện thoại thông minh.

<sup>1</sup> Số liệu trong bảng được phân tích bằng việc phân tích kiểm định ANOVA khi so sánh điểm trung bình theo nhóm học vấn, nhóm thu nhập và kiểm định Independent Sample T-Test khi so sánh theo nhóm tuổi.

Về hiệu quả, kết quả khảo sát cho thấy công nghệ số vẫn chưa thực sự hữu ích đối với hoạt động kinh tế của phụ nữ nông thôn. Điều này tương đồng với một số nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra rằng việc sử dụng internet có tác động tới hiệu quả kinh tế nhìn chung là chưa nhiều (Deichmann và các cộng sự, 2016). Phụ nữ ở nông thôn ở hai địa bàn khảo sát ở tỉnh Thái Bình đánh giá tính hữu ích của việc sử dụng các thiết bị số (theo thang điểm Likert 5 điểm) đối với các hoạt động kinh tế ở mức trung bình (với số điểm dao động ở khoảng 3,0 đến 3,5). Trong đó, điểm cao nhất là giúp ích cho việc tiết kiệm thời gian và chi phí (đều trên 3,4 điểm) và điểm thấp nhất là giúp cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ (chỉ khoảng 3 điểm).

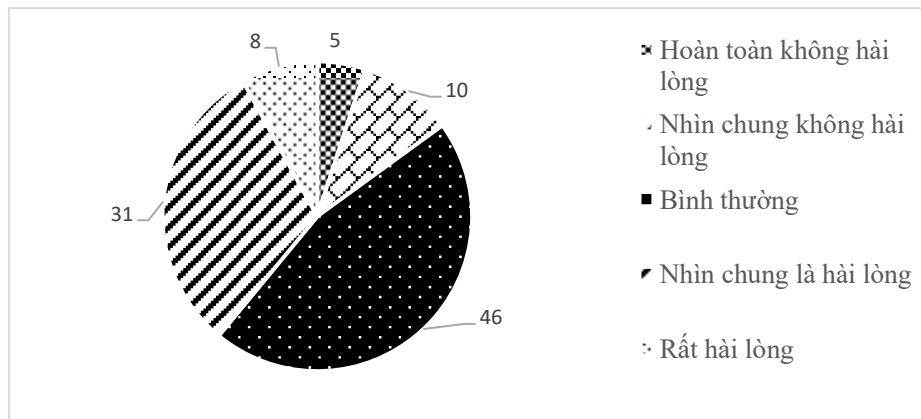
**Hình 1: Đánh giá của phụ nữ về mức độ hữu ích của việc sử dụng các thiết bị số đối với hoạt động kinh tế (điểm trung bình)**



*Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài tại Thái Bình năm 2024.*

Mức độ hài lòng của phụ nữ về lợi ích mà các thiết bị kỹ thuật số đem lại cho các hoạt động kinh tế cũng không cao. Chỉ có 39,0% phụ nữ cảm thấy “Rất hài lòng” hoặc “Hài lòng” với lợi ích mà các thiết bị kỹ thuật số đem lại. Đa số phụ nữ đánh giá sự hài lòng của họ ở mức độ “Bình thường”.

**Hình 2: Mức độ hài lòng về những lợi ích mà các thiết bị kỹ thuật số đem lại cho các hoạt động kinh tế (%)**



*Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài tại Thái Bình năm 2024.*

Nguyên nhân của tình trạng này một phần do phụ nữ ở đây chưa tận dụng được tốt các công nghệ số vào hoạt động kinh tế của mình. Mặt khác, nhiều người vẫn quen thực hiện các hoạt động phát triển kinh tế (tiếp cận thông tin, nguồn lực sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, ngư nghiệp, v.v.) theo cách truyền thống mà chưa sẵn sàng chuyển đổi theo các cách thức

mà họ tiếp cận được trên môi trường số. Các kết quả phỏng vấn phụ nữ ở xã Thụy Hải cho thấy, ngay cả khi phụ nữ có tìm hiểu về kỹ thuật canh tác, trồng trọt trên môi trường số nhưng cũng không làm thay đổi nhiều cách sản xuất nông, ngư nghiệp của họ. Phụ nữ ở đây vẫn chủ yếu canh tác dựa theo kinh nghiệm của mình nhiều hơn:

*“Làm nông nghiệp thì thời gian dành cho công nghệ thông tin hạn chế bởi vì đi làm về mệt quá và sản xuất chủ yếu dựa trên kinh nghiệm là chính, bao tiêu sản phẩm trực tiếp. Đối với kinh doanh, đôi khi gặp khó khăn một chút do chưa cập nhật được phần mềm quản lý kinh doanh”* (TLN, nữ, 52 tuổi, xã Thụy Hải).

Một số phụ nữ có hoạt động kinh doanh qua mạng chỉ dựa vào các mạng xã hội (như zalo, facebook) mà chưa có các hoạt động kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử.

Mặc dù phụ nữ gặp khó khăn trong việc sử dụng hiệu quả công nghệ số cho hoạt động kinh tế nhưng ở địa phương hầu như ít có các hoạt động nâng cao năng lực số cho phụ nữ. Địa phương có tổ công nghệ số cộng đồng và đã triển khai một số hoạt động tập huấn hướng dẫn cài đặt VneID nhưng nhiều phụ nữ cho biết họ không tham dự tập huấn vì bận việc nhà. Cán bộ hội phụ nữ xã Thụy Trường chia sẻ thêm rằng, sau hoạt động tập huấn thì phụ nữ trẻ tuổi có thể học được cách sử dụng nhưng những phụ nữ trung tuổi trở lên ít biết cách sử dụng. Một số phụ nữ cho biết trong trường hợp phải sử dụng dịch vụ trực tuyến thì họ sẽ nhờ người khác hỗ trợ:

*“Nếu mà phải sử dụng đến App của dịch vụ công thì mình gọi chồng đi cùng. Ở địa phương có tập huấn nhưng ít, khi cần mình đến bộ phận một cửa họ cũng hướng dẫn mình cách dùng nhưng tận suất sử dụng không nhiều nên được hướng dẫn xong là sau lại quên mất nên không biết cách dùng”* (TLN, nữ, 43 tuổi, xã Thụy Trường).

Nhiều phụ nữ tham gia nghiên cứu này phản ánh nhu cầu, mong muốn được nâng cao kỹ năng sử dụng thiết bị số, đặc biệt là kỹ năng liên quan đến sử dụng thiết bị số một cách an toàn trên môi trường mạng. Tuy nhiên, hiện nay việc cải thiện khả năng sử dụng thiết bị số của phụ nữ nông thôn vẫn chủ yếu phụ thuộc vào sự giúp đỡ của người thân trong gia đình hoặc phải tự tìm hiểu mà ít có các hoạt động tại địa phương giúp tăng cường khả năng sử dụng công nghệ số cho họ.

Nhìn chung, công nghệ số dường như chưa phát huy được vai trò, ảnh hưởng của nó tới hoạt động kinh tế của phụ nữ tại hai địa bàn khảo sát. Có thể bản thân phụ nữ chưa nhận thức rõ được về tầm quan trọng, khả năng hữu ích của công nghệ số đối với việc phát triển các hoạt động kinh tế nên họ chưa chủ động tìm hiểu và ứng dụng chúng vào các hoạt động kinh tế của mình. Bên cạnh đó, do ít sử dụng công nghệ số vào hoạt động kinh tế nên tính hữu ích của các thiết bị số đối với hoạt động kinh tế của phụ nữ là chưa cao.

#### **4. Kết luận**

Mặc dù công nghệ số ngày càng có ảnh hưởng sâu rộng vào các lĩnh vực của đời sống và việc thúc đẩy nền kinh tế số đang là một xu hướng phát triển của Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới, tuy nhiên, phụ nữ tại hai địa bàn nông thôn được khảo sát ở tỉnh Thái Bình hiện nay nhìn chung vẫn ít sử dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, ngư nghiệp. Nguyên nhân chủ yếu là do họ không có nhu cầu bởi tính chất, quy mô hoạt động sản xuất nhỏ lẻ của hộ gia đình và lao động của phụ nữ chủ yếu là lao động giản đơn. Phụ nữ chưa hiểu rõ tiềm năng mà việc tiếp cận công nghệ số có thể đem lại lợi ích cho hoạt động kinh tế của họ. Bên cạnh đó, phụ nữ cũng chưa biết cách tận dụng hiệu quả các thiết bị số cho phát triển kinh tế gia đình. Phụ nữ nông thôn ở Thái Bình chủ yếu vẫn sử dụng các cách thức sản xuất, kinh doanh trực tiếp. Có lẽ do việc ít sử dụng thiết bị số vào hoạt động kinh tế nên mức độ hữu ích của các thiết bị số đối với hoạt động kinh tế của phụ nữ là chưa cao.

Để thúc đẩy việc sử dụng, khai thác hiệu quả công nghệ số vào hoạt động kinh tế, phụ nữ nông thôn cần nhận thức được những tiềm năng mà công nghệ số có thể giúp ích cho hoạt động kinh tế của họ và biết cách khai thác, tận dụng công nghệ số để phát triển kinh tế. Điều đó đòi hỏi phụ nữ nông thôn phải được hướng dẫn cách thức tiếp cận các nguồn lực trên môi trường số hữu ích cho hoạt động kinh tế của họ, trong đó có các nguồn thông tin, kỹ thuật hữu ích, đáng tin cậy (ví dụ như những trang thông tin điện tử cung cấp thông tin khoa học về trồng trọt, chăn nuôi, cách thức bán hàng trên không gian mạng, v.v.) để giúp phụ nữ ứng dụng vào các hoạt động kinh tế của gia đình. Đồng thời, các tổ chức công nghệ cần phát triển các App/phần mềm có tính hòa nhập, thân thiện với các đối tượng còn hạn chế về kỹ năng số như phụ nữ nông thôn để họ có thể tiếp cận, sử dụng các thông tin, dịch vụ liên quan đến sản xuất nông nghiệp, trao đổi, mua bán sản phẩm nông nghiệp và tài chính số. Do phụ nữ nông thôn chủ yếu truy cập internet qua điện thoại di động nên các nền tảng số cần được tối ưu hóa, đặc biệt là về mức độ tiêu thụ dữ liệu thấp. Đồng thời, cần có sự hướng dẫn sử dụng các phần mềm đó theo cách dễ tiếp cận cho phụ nữ nông thôn để họ có thể học được cách sử dụng chúng.

Bên cạnh đó, cần tăng cường hòa nhập tài chính số cho phụ nữ nông thôn thông qua việc phổ biến, giáo dục cho phụ nữ nông thôn về ngân hàng số, tiền điện tử và các dịch vụ tài chính khác để từ đó thúc đẩy trao quyền kinh tế cho phụ nữ nông thôn trong nền kinh tế số. Đặc biệt, chú trọng tới việc nâng cao an toàn số cho phụ nữ nông thôn để họ có thể tự tin sử dụng các thiết bị số một cách hiệu quả và an toàn cho các hoạt động kinh tế.

#### Tài liệu tham khảo

1. Deichmann, U., Goyal, A., & Mishra, D. 2016. *Will Digital Technologies Transform Agriculture in Developing Countries*. World Bank Group: Policy Research Working Paper 7669.
2. EU. 2021. “Vietnam country gender profile update”, (<https://europa.eu/capacity4dev/file/126047/download?token=NvaeO7qv>).
3. Thanh Huyền và Đình Trung. 2023. “Gần 90% nạn nhân của các vụ lừa đảo trực tuyến tại Việt Nam là nữ”, (<http://vtv.vn/xa-hoi/gan-90-nan-nhan-cua-cac-vu-lua-dao-truc-tuyen-tai-viet-nam-la-nu-20231123080710069.htm>).
4. The Asian Foundation. 2018. *Advancing Women’s Empowerment and Gender Equality in Vietnam*, (<https://asiafoundation.org/wp-content/uploads/2018/01/Gender-Equality-in-Vietnam.pdf>).
5. Thủ tướng Chính phủ. 2017. Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (ban hành theo Quyết định số 622/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).
6. Thủ tướng Chính phủ. 2022. Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025.
7. United Nations. 2023. *Ambassador of Sweden to Viet Nam: Policy Dialogue: “Gender equality in digital transformation in Viet Nam: Opportunities and challenges”*, (<http://vietnam.un.org/en/223190-ambassador-sweden-viet-nam-policy-dialogue-%E2%80%9Cgender-equality-digital-transformation-viet-nam>).
8. Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Australian Government & UN Women. 2016. *Phụ nữ hoạt động nông nghiệp và tăng trưởng toàn diện ở Việt Nam*. Nxb. Thế giới, (<https://asiapacific.unwomen.org/sites/default/files/Field%20Office%20ESEA/Docs/Publications/2017/01/Female-farmers-and-inclusive-growth-VN.pdf>).
9. Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội. 2015. *Các yếu tố xã hội quyết định bất bình đẳng giới ở Việt Nam*. Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
10. Xun, Z., Guanghua, W., Jiajia, Z., & Zongyue, H. 2020. “Digital Economy, Financial Inclusion and Inclusive Growth”. *China Economist*, 15(92 - 105).